

## THÔNG BÁO

### Đối với sinh viên thuộc diện quá thời hạn học tập tại trường

Căn cứ vào kết luận của Hội đồng xét kết quả học tập học kỳ 1 năm học 2015-2016, ngày 15/4/2016, Nhà trường thông báo đến Ban chủ nhiệm các Khoa chuyên môn, giáo viên chủ nhiệm và sinh viên thuộc diện quá thời hạn học tập tại trường để thực hiện các nội dung công việc sau đây:

#### 1. Đối với các Khoa chuyên môn

- Thông báo đến các sinh viên thuộc diện đã quá thời hạn học tập tại trường theo quy định, nhưng chưa làm đơn xét tốt nghiệp hoặc chưa đủ điều kiện xét tốt nghiệp để sinh viên biết và làm đơn trình bày lý do để Nhà trường xem xét (có danh sách kèm theo);

- Tổng hợp đơn và gửi Nhà trường thông qua Phòng Đào tạo (đ/c Trần Phương Thảo, phòng 406, Nhà hiệu bộ) vào ngày 26/4/2016 để báo cáo Ban giám hiệu và trình Hội đồng xét kết quả học tập nhà trường.

#### 2. Đối với sinh viên

Sinh viên thuộc diện quá thời hạn học tập tại trường nói trên, nộp đơn theo mẫu (có mẫu kèm theo) về Văn phòng khoa chuyên môn từ ngày 20/4/2016 đến ngày 25/4/2016 để khoa xem xét và tổng hợp gửi Nhà trường.

Nhà trường thông báo để các đơn vị, cá nhân liên quan và sinh viên biết để cùng phối hợp thực hiện.

Trân trọng cảm ơn!

#### Nơi nhận

- BGH (để b/c);
- Các khoa chuyên môn (để t/h);
- Lưu VT, ĐT.

TL. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO



TS. Đặng Danh Hoàng

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Thái Nguyên, ngày      tháng      năm 2016*

**ĐƠN XIN TIẾP TỤC HỌC**

**Kính gửi:**

- Ban Giám hiệu,
- Phòng Đào tạo,
- Ban Chủ nhiệm Khoa .....

Họ tên SV.....Mã số SV: ....., Lớp: .....

Khóa:.....ngành:.....

Địa chỉ liên hệ:....., Điện thoại:.....

Đối tượng ưu tiên: .....

Khóa học:.....

Em là sinh viên thuộc diện đã quá thời hạn học tập tại trường theo quy định, nhưng chưa tốt nghiệp vì lý do sau:

**1. Đối với sinh viên đã hoàn thành chương trình đào tạo**

Em đã hoàn thành các học phần trong chương trình đào tạo từ học kỳ.....năm học.....  
 với tổng số tín chỉ tích lũy:....., điểm trung bình chung tích lũy:.....  
 Nhưng đến nay vẫn chưa làm đơn xét tốt nghiệp vì lý do:.....

**2. Đối với sinh viên chưa hoàn thành chương trình đào tạo**

Tính đến hết học kỳ ..... năm học .....  
 Em đạt được tổng số tín chỉ tích lũy:....., điểm trung bình chung tích lũy:.....  
 Nhưng em chưa thể hoàn thành các học phần còn lại trong chương trình đào tạo vì lý do:

**3. Nguyên vọng của sinh viên**

**4. Cam kết**

**Ý KIẾN CỦA PHỤ HUYNH/ NGƯỜI THÂN**

**SINH VIÊN LÀM ĐƠN**

**Ý KIẾN CỦA GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM**

**Ý KIẾN XÉT DUYỆT CỦA BCN KHOA**



## DANH SÁCH SINH VIÊN VƯỢT QUÁ THỜI GIAN CHO PHÉP HỌC TẬP TẠI TRƯỜNG

(Kèm theo Thông báo số 102/TB-ĐHKTCTN ngày 10 tháng 4 năm 2016 đối với sinh viên thuộc diện quá thời hạn học tập tại trường)

### I. DANH SÁCH SINH VIÊN ĐÃ ĐÚNG ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP VỀ ĐIỂM

| TT | Khoa                        | Lớp               | Mã số        | Họ đệm       | Tên   | Năm thứ | Tổng TC tích lũy | Điểm TB tích lũy | Tổng TC theo CTĐT | TC/ĐVHT nợ | Delta Tổng điểm | Học kỳ cuối đăng ký học | TC đang ký học kỳ 2 | Ghi chú |
|----|-----------------------------|-------------------|--------------|--------------|-------|---------|------------------|------------------|-------------------|------------|-----------------|-------------------------|---------------------|---------|
| 1  | Điện tử                     | K41KDT.01         | 0111050169   | Lê Đình      | Giáp  | 11      | 180              | 2.11             | 180               | 0          |                 | 2-10-11                 |                     |         |
| 2  | Sư phạm Kỹ thuật            | K41SCK.01         | 0116050023   | Chu Đình     | Hướng | 11      | 182              | 2.01             | 182               | 0          |                 | 1-12-13                 |                     |         |
| 3  | Xây dựng và Môi trường      | K41KXC.01         | 0111050487   | Phạm Hùng    | Tiếp  | 11      | 180              | 2.10             | 180               | 0          |                 | 2-14-15                 |                     |         |
| 4  | Kỹ thuật Ôtô & Máy Động lực | K40MD(K40CĐL.01)  | 40.0390.K40F | Nguyễn Văn   | Quỳnh | 12      | 180              | 2.02             | 180               | 0          |                 | 1-12-13                 |                     |         |
| 5  | Sư phạm Kỹ thuật            | K41SKD.01         | 40.0792.K40M | Nguyễn Văn   | Ninh  | 12      | 180              | 2.02             | 180               | 0          |                 | 1-15-16                 |                     |         |
| 6  | Sư phạm Kỹ thuật            | K8SKI(K40SKĐ.01)  | 40.1118.K40U | Quách Văn    | Linh  | 12      | 180              | 2.19             | 180               | 0          |                 | 2-09-10                 |                     | Mường   |
| 7  | Sư phạm Kỹ thuật            | K8SKM(K40SCK.01)  | 40.0104.K40B | Trần Vĩnh    | Lộc   | 12      | 182              | 2.19             | 182               | 0          |                 | 2-09-10                 |                     |         |
| 8  | Sư phạm Kỹ thuật            | K8SKM(K40SCK.01)  | 40.0140.K40C | Tạ Thanh     | Dung  | 12      | 182              | 2.30             | 182               | 0          |                 | 2-09-10                 |                     |         |
| 9  | Sư phạm Kỹ thuật            | K8SKM(K40SCK.01)  | 40.0397.K40F | Phạm Văn     | Thành | 12      | 182              | 2.30             | 182               | 0          |                 | 2-09-10                 |                     |         |
| 10 | Điện tử                     | K39MT(K39KMT.01)  | K39C196      | Nguyễn Văn   | Thắng | 13      | 260              | 5.88             | 260               | 0          |                 | 2-07-08                 |                     | NTB-04  |
| 11 | Cơ khí                      | K39MA(K39CCM.01)  | K39B091      | Nguyễn Xuân  | Hải   | 13      | 260              | 6.31             | 260               | 0          |                 | 2-07-08                 |                     |         |
| 12 | Kỹ thuật Ôtô & Máy Động lực | K40MD(K40CĐL.01)  | K39A016      | Bùi Tiến     | Dũng  | 13      | 180              | 2.02             | 180               | 0          |                 | 1-11-12                 |                     | CTB-08  |
| 13 | Sư phạm Kỹ thuật            | K7SKI(K39SKĐ.01)  | K7SKB 113    | Phạm Quang   | Trọng | 13      | 207              | 6.18             | 207               | 0          |                 | 2-06-07                 |                     |         |
| 14 | Sư phạm Kỹ thuật            | K7SKM(K39SCK.01)  | K7SKA 005    | Nguyễn Đức   | Cao   | 13      | 202              | 6.14             | 202               | 0          |                 | 2-06-07                 |                     |         |
| 15 | Điện                        | K39IE(K39HTĐ.01)  | K38I236      | Chữ Minh     | Hùng  | 14      | 285              | 5.81             | 285               | 0          |                 | 2-07-08                 |                     |         |
| 16 | Cơ khí                      | K39ME(K39CCM.04)  | K38M077      | Tồn Đức      | Dương | 14      | 260              | 5.92             | 260               | 0          |                 | 2-07-08                 |                     |         |
| 17 | Kỹ thuật Ôtô & Máy Động lực | K38MD(K38CĐL.01)  | K38M026      | Trương Thanh | Hoài  | 14      | 260              | 5.85             | 260               | 0          |                 | 2-06-07                 |                     | CTB-08  |
| 18 | Kỹ thuật Ôtô & Máy Động lực | K38MD(K38CĐL.01)  | K38M193      | Nguyễn Đức   | Tuấn  | 14      | 260              | 6.14             | 260               | 0          |                 | 2-06-07                 |                     |         |
| 19 | Kỹ thuật Ôtô & Máy Động lực | K38MD(K38CĐL.01)  | K38M318      | Phùng Đắc    | Tuấn  | 14      | 260              | 6.03             | 260               | 0          |                 | 2-06-07                 |                     |         |
| 20 | Cơ khí                      | K38MA (K38CCM.01) | K37M351      | Trần Đình    | Đệ    | 15      | 263              | 5.64             | 263               | 0          |                 | 2-06-07                 |                     |         |
| 21 | Cơ khí                      | K38MG(K38CCM.05)  | K37M228      | Nguyễn Ngọc  | Hưng  | 15      | 263              | 5.73             | 263               | 0          |                 | 2-06-07                 |                     |         |
| 22 | Kỹ thuật Ôtô & Máy Động lực | K38MD(K38CĐL.01)  | K37M022      | Phạm Trọng   | Hiệu  | 15      | 260              | 6.12             | 260               | 0          |                 | 2-06-07                 |                     |         |
| 23 | Kỹ thuật Ôtô & Máy Động lực | K38MD(K38CĐL.01)  | K37M161      | Lê Quý       | Minh  | 15      | 260              | 5.80             | 260               | 0          |                 | 2-06-07                 |                     |         |
| 24 | Kỹ thuật Ôtô & Máy Động lực | K38MD(K38CĐL.01)  | K37M278      | Nguyễn Văn   | Ba    | 15      | 260              | 5.92             | 260               | 0          |                 | 2-06-07                 |                     |         |
| 25 | Cơ khí                      | K38MB(K38CCM.02)  | K36M121      | Mai Văn      | Quyện | 16      | 263              | 5.52             | 263               | 0          |                 | 2-06-07                 |                     |         |
| 26 | Cơ khí                      | K39MG(K39CCM.05)  | K35M 125     | Phạm Anh     | Tuấn  | 17      | 260              | 5.70             | 260               | 0          |                 | 2-07-08                 |                     |         |

### II. SINH VIÊN CHƯA HOÀN THÀNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

|    |                     |           |             |              |       |    |     |      |     |    |        |         |  |  |
|----|---------------------|-----------|-------------|--------------|-------|----|-----|------|-----|----|--------|---------|--|--|
| 26 | Kinh tế Công nghiệp | K45QLC.01 | 11110773058 | Vũ Quang     | Thái  | 9  | 118 | 1.96 | 124 | 6  | 16.72  | 2-15-16 |  |  |
| 27 | Kinh tế Công nghiệp | K43QLC.01 | 11110773073 | Nguyễn Ngọc  | Việt  | 9  | 120 | 1.89 | 124 | 4  | 21.2   | 1-15-16 |  |  |
| 28 | Kinh tế Công nghiệp | K43KTN.01 | 11110773038 | Đình Xuân    | Khoa  | 9  | 122 | 1.82 | 124 | 2  | 25.96  | 2-14-15 |  |  |
| 29 | Kinh tế Công nghiệp | K45QLC.01 | 11110773022 | Ngô Văn      | Cường | 9  | 84  | 1.65 | 124 | 40 | 109.4  | 2-13-14 |  |  |
| 30 | Kinh tế Công nghiệp | K43KTN.01 | 1111060624  | Bùi Văn      | Dưỡng | 10 | 52  | 2.17 | 124 | 72 | 135.16 | 1-10-11 |  |  |
| 31 | Điện tử             | K41DVT.01 | 0111051079  | Nguyễn Mạnh  | Tuấn  | 11 | 174 | 2.12 | 180 | 6  | -8.88  | 1-11-12 |  |  |
| 32 | Sư phạm Kỹ thuật    | K41SKD.01 | 0116050068  | Nguyễn Đình  | Hân   | 11 | 179 | 2.08 | 180 | 1  | -12.32 | 1-12-13 |  |  |
| 33 | Điện tử             | K41KDT.01 | 0111050052  | Vũ Thế       | Song  | 11 | 172 | 2.09 | 180 | 8  | 0.52   | 2-12-13 |  |  |
| 34 | Điện                | K41TDH.05 | 0111050251  | Lê Việt      | Hòa   | 11 | 180 | 1.99 | 180 | 0  | 1.8    | 1-10-11 |  |  |
| 35 | Điện tử             | K41KMT.01 | 0111050367  | Nguyễn Văn   | Bắc   | 11 | 174 | 2.07 | 181 | 7  | 1.82   | 1-13-14 |  |  |
| 36 | Điện                | K41TDH.01 | 0111051091  | Nguyễn Quang | Cảnh  | 11 | 180 | 1.96 | 180 | 0  | 7.2    | 1-13-14 |  |  |

| TT | Khoa                        | Lớp        | Mã số      | Họ đệm       | Tên    | Nam<br>thứ | Tổng TC<br>tích lũy | Điểm TB<br>tích lũy | Tổng TC<br>theo<br>CTĐT | TC/<br>ĐVHT<br>nợ | Delta<br>Tổng<br>điểm | Học kỳ<br>cuối<br>đăng ký<br>học | TC đăng<br>kỹ học<br>kỳ 2 | Ghi chú |
|----|-----------------------------|------------|------------|--------------|--------|------------|---------------------|---------------------|-------------------------|-------------------|-----------------------|----------------------------------|---------------------------|---------|
| 37 | Điện tử                     | K41DVT.01  | 0111050919 | Nguyễn Phú   | Son    | 11         | 165                 | 2.13                | 180                     | 15                | 8.55                  | 1-11-12                          |                           |         |
| 38 | Cơ khí                      | K41CCM.03  | 0111050455 | Ngô Văn      | Hồng   | 11         | 180                 | 1.95                | 180                     | 0                 | 9                     | 2-11-12                          |                           |         |
| 39 | Cơ khí                      | K41CCM.01  | 0111050099 | Phạm Thế     | Hợp    | 11         | 175                 | 2.00                | 180                     | 5                 | 10                    | 1-10-11                          |                           | CBB-12  |
| 40 | Điện tử                     | K41DDK.01  | 0111050960 | Lê Hữu       | Hùng   | 11         | 178                 | 1.96                | 180                     | 2                 | 11.12                 | 2-13-14                          |                           |         |
| 41 | Điện                        | K1HTĐ CQHĐ | 1112054230 | Nguyễn Huy   | Khánh  | 11         | 153                 | 2.27                | 180                     | 27                | 12.69                 | 2-09-10                          |                           |         |
| 42 | Cơ khí                      | K41CCM.06  | 0111051107 | Nguyễn Văn   | Hùng   | 11         | 178                 | 1.94                | 180                     | 2                 | 14.68                 | 1-12-13                          |                           | NTB-04  |
| 43 | Sư phạm Kỹ thuật            | K41SCK.01  | 0116050007 | Nguyễn Hữu   | Dũng   | 11         | 176                 | 1.98                | 182                     | 6                 | 15.52                 | 2-12-13                          |                           |         |
| 44 | Điện                        | K41TDH.03  | 0111050515 | Nguyễn Ngọc  | Dũng   | 11         | 173                 | 1.99                | 180                     | 7                 | 15.73                 | 2-10-11                          |                           |         |
| 45 | Điện                        | K41HTD.01  | 0111050693 | Nguyễn Văn   | Phương | 11         | 177                 | 1.94                | 180                     | 3                 | 16.62                 | 1-11-12                          |                           |         |
| 46 | Cơ khí                      | K41CCM.05  | 0111050907 | Nguyễn Văn   | Lâm    | 11         | 172                 | 1.98                | 180                     | 8                 | 19.44                 | 2-09-10                          |                           |         |
| 47 | Điện tử                     | K41DDK.01  | 0111050717 | Hoàng Văn    | Tuấn   | 11         | 175                 | 1.94                | 180                     | 5                 | 20.5                  | 2-15-16                          | 9                         | KVC     |
| 48 | Điện                        | K41TDH.02  | 0111050719 | Trần Quang   | Tuyền  | 11         | 172                 | 1.96                | 180                     | 8                 | 22.88                 | 1-10-11                          |                           |         |
| 49 | Cơ khí                      | K41CLK.01  | 0111050259 | Nguyễn Quang | Hưng   | 11         | 172                 | 1.97                | 181                     | 9                 | 23.16                 | 1-13-14                          |                           |         |
| 50 | Cơ khí                      | K41CCM.01  | 0111050081 | Nguyễn Trọng | Chiến  | 11         | 180                 | 1.87                | 180                     | 0                 | 23.4                  | 2-11-12                          |                           |         |
| 51 | Điện                        | K41TDH.05  | 0111050050 | Đỗ Minh      | Phương | 11         | 175                 | 1.92                | 180                     | 5                 | 24                    | 2-11-12                          |                           |         |
| 52 | Cơ khí                      | K41CCM.05  | 0111050840 | Trịnh Duy    | Phong  | 11         | 174                 | 1.93                | 180                     | 6                 | 24.18                 | 2-12-13                          |                           |         |
| 53 | Sư phạm Kỹ thuật            | K41SKD.01  | 0116050074 | Lưu Văn      | Huy    | 11         | 170                 | 1.97                | 180                     | 10                | 25.1                  | 1-13-14                          |                           |         |
| 54 | Cơ khí                      | K41CCM.06  | 0111051127 | Đoàn Ngọc    | Tân    | 11         | 163                 | 2.05                | 180                     | 17                | 25.85                 | 1-11-12                          |                           | KVC     |
| 55 | Xây dựng và Môi trường      | K41TMT.01  | 0111050948 | Nguyễn Văn   | Điệp   | 11         | 172                 | 1.92                | 180                     | 8                 | 29.76                 | 1-10-11                          |                           |         |
| 56 | Điện tử                     | K41DDK.01  | 0111050777 | Lê Viết      | Thọ    | 11         | 166                 | 1.98                | 180                     | 14                | 31.32                 | 1-11-12                          |                           | CTB-08  |
| 57 | Điện                        | K41TDH.03  | 0111050582 | Phạm Văn     | Cường  | 11         | 162                 | 2.01                | 180                     | 18                | 34.38                 | 1-12-13                          |                           |         |
| 58 | Điện                        | K41HTD.01  | 0111050395 | Phạm Văn     | Hùng   | 11         | 144                 | 2.26                | 180                     | 36                | 34.56                 | 1-12-13                          |                           | CBB-13  |
| 59 | Điện                        | K41TDH.01  | 0111051090 | Ngô Đức      | Cánh   | 11         | 173                 | 1.88                | 180                     | 7                 | 34.76                 | 1-11-12                          |                           |         |
| 60 | Cơ khí                      | K41CCM.01  | 0111050090 | Vũ Thế       | Dũng   | 11         | 157                 | 2.06                | 180                     | 23                | 36.58                 | 1-14-15                          |                           |         |
| 61 | Điện tử                     | K41DDK.01  | 0111050458 | Đào Văn      | Hùng   | 11         | 160                 | 1.99                | 180                     | 20                | 41.6                  | 2-11-12                          |                           |         |
| 62 | Điện tử                     | K42KMT.01  | 0111050239 | Phùng Văn    | Hà     | 11         | 170                 | 1.87                | 181                     | 11                | 44.1                  | 1-12-13                          |                           |         |
| 63 | Điện                        | K41HTD.01  | 0111050901 | Nguyễn Văn   | Hùng   | 11         | 162                 | 1.93                | 180                     | 18                | 47.34                 | 1-11-12                          |                           |         |
| 64 | Điện tử                     | K41KDT.01  | 0111050612 | Ngô Minh     | Long   | 11         | 167                 | 1.86                | 180                     | 13                | 49.38                 | 1-13-14                          |                           |         |
| 65 | Điện                        | K41HTD.01  | 0111051122 | Trần Công    | Phán   | 11         | 157                 | 1.97                | 180                     | 23                | 50.71                 | 1-11-12                          |                           |         |
| 66 | Điện                        | K1HTĐ CQHĐ | 1112054239 | Nguyễn Ngọc  | Phan   | 11         | 151                 | 2.03                | 180                     | 29                | 53.47                 | 1-11-12                          |                           |         |
| 67 | Sư phạm Kỹ thuật            | K41SKD.01  | 0116050038 | Vũ           | Quang  | 11         | 158                 | 1.93                | 180                     | 22                | 55.06                 | 2-12-13                          |                           |         |
| 68 | Điện tử                     | K41DDK.01  | 0111051143 | Ngô Mạnh     | Tuấn   | 11         | 147                 | 2.07                | 180                     | 33                | 55.71                 | 2-12-13                          |                           |         |
| 69 | Cơ khí                      | K41CLK.01  | 0111050154 | Nguyễn Văn   | Cương  | 11         | 164                 | 1.86                | 181                     | 17                | 56.96                 | 1-11-12                          |                           | CTB-08  |
| 70 | Điện tử                     | K41KDT.01  | 0111050419 | Bùi Đắc      | Thủy   | 11         | 140                 | 2.14                | 180                     | 40                | 60.4                  | 2-12-13                          |                           |         |
| 71 | Điện                        | K41TDH.02  | 0111050734 | Nguyễn Văn   | Duy    | 11         | 149                 | 2.01                | 180                     | 31                | 60.51                 | 1-13-14                          |                           |         |
| 72 | Điện tử                     | K41KMT.01  | 0111050279 | Nguyễn Minh  | Thanh  | 11         | 160                 | 1.88                | 181                     | 21                | 61.2                  | 2-11-12                          |                           |         |
| 73 | Điện tử                     | K41KMT.01  | 0111050349 | Nguyễn Văn   | Thắng  | 11         | 152                 | 1.96                | 181                     | 29                | 64.08                 | 1-10-11                          |                           |         |
| 74 | Kỹ thuật Ôtô & Máy Động lực | K41CDL.01  | 0111051009 | Nguyễn Sỹ    | Vân    | 11         | 152                 | 1.93                | 180                     | 28                | 66.64                 | 1-11-12                          |                           | CTB-08  |
| 75 | Xây dựng và Môi trường      | K41TMT.01  | 0111050234 | Thân Văn     | Đại    | 11         | 160                 | 1.83                | 180                     | 20                | 67.2                  | 2-11-12                          |                           |         |
| 76 | Điện tử                     | K41DDK.01  | 0111050420 | Đỗ Công      | Thúy   | 11         | 137                 | 2.12                | 180                     | 43                | 69.56                 | 2-13-14                          |                           |         |
| 77 | Điện tử                     | K41KMT.01  | 0111051006 | Phạm Văn     | Tuấn   | 11         | 145                 | 1.99                | 181                     | 36                | 73.45                 | 1-10-11                          |                           |         |
| 78 | Điện tử                     | K41DDK.01  | 0111050685 | Phan Như     | Lâm    | 11         | 145                 | 1.97                | 180                     | 35                | 74.35                 | 1-11-12                          |                           |         |





| TT  | Khoa                        | Lớp              | Mã số        | Họ đệm       | Tên    | Năm<br>thứ | Tổng TC<br>tích lũy | Điểm TB<br>tích lũy | Tổng TC<br>theo<br>CTĐT | TC/<br>ĐVHT<br>nợ | Delta<br>Tổng<br>điểm | Học kỳ<br>cuối<br>đăng ký<br>học | TC đang<br>kỳ học<br>kỳ 2 | Ghi chú  |
|-----|-----------------------------|------------------|--------------|--------------|--------|------------|---------------------|---------------------|-------------------------|-------------------|-----------------------|----------------------------------|---------------------------|----------|
| 79  | Điện tử                     | K41KMT.01        | 0111050961   | Nguyễn Mạnh  | Hùng   | 11         | 155                 | 1.85                | 181                     | 26                | 75.25                 | 2-10-11                          |                           |          |
| 80  | Sư phạm Kỹ thuật            | K41SCK.01        | 0116050020   | Phùng Quang  | Hùng   | 11         | 162                 | 1.77                | 182                     | 20                | 77.26                 | 1-12-13                          |                           |          |
| 81  | Điện                        | K41TDH.04        | 0111050307   | Nguyễn Đức   | Dũng   | 11         | 138                 | 1.99                | 180                     | 42                | 85.38                 | 1-12-13                          |                           |          |
| 82  | Điện tử                     | K41KDT.01        | 0111050534   | Bùi Quốc     | Hưng   | 11         | 139                 | 1.96                | 180                     | 41                | 87.56                 | 1-11-12                          |                           |          |
| 83  | Cơ khí                      | K41CCM.03        | 0111050433   | Chu Việt     | Anh    | 11         | 153                 | 1.78                | 180                     | 27                | 87.66                 | 1-12-13                          |                           | Sán diu  |
| 84  | Kỹ thuật Ôtô & Máy Động lực | K41CDL.01        | 0111050985   | Dương Ngọc   | Sơn    | 11         | 140                 | 1.94                | 180                     | 40                | 88.4                  | 1-10-11                          |                           |          |
| 85  | Xây dựng và Môi trường      | K41TMT.01        | 0111050290   | Hồ Hữu       | Trường | 11         | 160                 | 1.69                | 180                     | 20                | 89.6                  | 1-12-13                          |                           |          |
| 86  | Điện tử                     | K42ĐĐK.01        | 0111051000   | Phạm Trọng   | Trình  | 11         | 149                 | 1.80                | 180                     | 31                | 91.8                  | 2-12-13                          |                           |          |
| 87  | Điện                        | K41TDH.05        | 0111050238   | Vũ Hoài      | Giang  | 11         | 145                 | 1.81                | 180                     | 35                | 97.55                 | 2-11-12                          |                           |          |
| 88  | Xây dựng và Môi trường      | K41TMT.01        | 0111050063   | Trần Văn     | Thuyền | 11         | 141                 | 1.85                | 180                     | 39                | 99.15                 | 2-09-10                          |                           |          |
| 89  | Cơ khí                      | K41CLK.01        | 0111050134   | Nguyễn Văn   | Toàn   | 11         | 130                 | 1.95                | 181                     | 51                | 108.5                 | 2-09-10                          |                           | KVC      |
| 90  | Điện                        | K2HTĐ CQHĐ       | 1112054250   | Nguyễn Trọng | Tuấn   | 11         | 117                 | 2.07                | 180                     | 63                | 117.81                | 2-12-13                          |                           |          |
| 91  | Điện                        | K41TDH.05        | 0111050221   | Lê Duy       | Anh    | 11         | 114                 | 1.86                | 180                     | 66                | 147.96                | 1-10-11                          |                           |          |
| 92  | Điện                        | K41TDH.04        | 0111050284   | Nguyễn Viết  | Tiến   | 11         | 94                  | 2.16                | 180                     | 86                | 156.96                | 2-09-10                          |                           |          |
| 93  | Điện                        | K41TDH.02        | 0111050888   | Nguyễn Văn   | Hải    | 11         | 97                  | 2.00                | 180                     | 83                | 166                   | 2-09-10                          |                           |          |
| 94  | Xây dựng và Môi trường      | K41TMT.01        | 0111050461   | Trần         | Hùng   | 11         | 91                  | 1.80                | 180                     | 89                | 196.2                 | 2-09-10                          |                           |          |
| 95  | Điện                        | K41TDH.02        | 0111050885   | Vũ Trường    | Giang  | 11         | 72                  | 2.21                | 180                     | 108               | 200.88                | 2-09-10                          |                           | NTB-04   |
| 96  | Điện                        | K41HTĐ.01        | 0111050449   | Phạm Văn     | Hà     | 11         | 66                  | 2.08                | 180                     | 114               | 222.72                | 2-07-08                          |                           |          |
| 97  | Cơ khí                      | K41CCM.01        | 0111050128   | Vũ Đình      | Thống  | 11         | 38                  | 2.63                | 180                     | 142               | 260.06                | 2-09-10                          |                           |          |
| 98  | Cơ khí                      | K41CCM.06        | 0111050988   | Nông Văn     | Thao   | 11         | 38                  | 2.5                 | 180                     | 142               | 265                   | 2-09-10                          |                           |          |
| 99  | Xây dựng và Môi trường      | K41TMT.01        | 0111050787   | Nguyễn Anh   | Tuấn   | 11         | 30                  | 2.77                | 180                     | 150               | 276.9                 | 2-09-10                          |                           |          |
| 100 | Điện                        | K1HTĐ CQHĐ       | 1112054242   | Vũ Mạnh      | Tấn    | 11         | 33                  | 2.21                | 180                     | 147               | 287.07                | 2-09-10                          |                           |          |
| 101 | Điện                        | K40ID(K40TĐH.04) | 40.0704.K40L | Lê Trọng     | Hiếu   | 12         | 177                 | 2.17                | 180                     | 3                 | -24.09                | 1-13-14                          |                           |          |
| 102 | Cơ khí                      | K40ME(K40CCM.04) | 40.0627.K40K | Lương Văn    | Dũng   | 12         | 176                 | 2.14                | 180                     | 4                 | -16.64                | 1-09-10                          |                           |          |
| 103 | Điện tử                     | K41KMT.01        | 40.1121.K40U | Đặng Tiến    | Manh   | 12         | 179                 | 2.05                | 181                     | 2                 | -4.95                 | 1-13-14                          |                           |          |
| 104 | Điện tử                     | K41DDK.01        | 40.1142.K40U | Đặng Minh    | Thuân  | 12         | 165                 | 2.21                | 180                     | 15                | -4.65                 | 2-12-13                          |                           |          |
| 105 | Điện tử                     | K40KMT.01        | 40.0862.K40N | Nguyễn Hữu   | Quang  | 12         | 162                 | 2.25                | 181                     | 19                | -2.5                  | 1-10-11                          |                           |          |
| 106 | Điện                        | K40IA(K40TĐH.01) | 40.1221.K40V | Lê Quang     | Hiển   | 12         | 180                 | 2.01                | 180                     | 0                 | -1.8                  | 1-09-10                          |                           | Nợ GDTC3 |
| 107 | Điện                        | K40IA(K40TĐH.01) | 40.0185.K40C | Nguyễn Văn   | Thắng  | 12         | 167                 | 2.14                | 180                     | 13                | 2.62                  | 2-08-09                          |                           | CTB-10   |
| 108 | Kỹ thuật Ôtô & Máy Động lực | K40MD(K40CDL.01) | 40.0784.K40M | Bàng Minh    | Mẫn    | 12         | 180                 | 1.98                | 180                     | 0                 | 3.6                   | 2-14-15                          |                           | Cao Lan  |
| 109 | Cơ khí                      | K41CCM.05        | 40.0879.K40N | Đoàn Đức     | Toàn   | 12         | 180                 | 1.90                | 180                     | 0                 | 18                    | 2-11-12                          |                           | CTB-08   |
| 110 | Kỹ thuật Ôtô & Máy Động lực | K40MD(K40CDL.01) | 40.0002.K40A | Hoàng Văn    | Bình   | 12         | 165                 | 2.05                | 180                     | 15                | 21.75                 | 1-10-11                          |                           |          |
| 111 | Cơ khí                      | K40MG(K40CCM.06) | 40.0907.K40P | Trần Đình    | Giang  | 12         | 175                 | 1.93                | 180                     | 5                 | 22.25                 | 2-11-12                          |                           |          |
| 112 | Điện                        | K40IG(K40HTĐ.01) | 40.0424.K40G | Thân Văn     | Đô     | 12         | 155                 | 2.15                | 180                     | 25                | 26.75                 | 1-09-10                          |                           |          |
| 113 | Điện tử                     | K41DDK.01        | 40.0921.K40P | Hoàng Trung  | Kiên   | 12         | 164                 | 2.02                | 180                     | 16                | 28.72                 | 1-13-14                          |                           | CTB-08   |
| 114 | Điện                        | K40IB(K40TĐH.02) | 40.0199.K40C | Nguyễn Tiến  | Việt   | 12         | 165                 | 2.00                | 180                     | 15                | 30                    | 1-14-15                          |                           |          |
| 115 | Điện tử                     | K40IH(K40ĐĐK.01) | 40.1111.K40U | Phạm Ngọc    | Huy    | 12         | 164                 | 2.01                | 180                     | 16                | 30.36                 | 1-10-11                          |                           |          |
| 116 | Sư phạm Kỹ thuật            | K8SKM(K40SCK.01) | K7SKA 044    | Nguyễn Văn   | Soái   | 12         | 150                 | 2.19                | 182                     | 32                | 35.5                  | 1-11-12                          |                           |          |
| 117 | Điện                        | K40IA(K40TĐH.01) | 40.0075.K40B | Bùi Văn      | Cương  | 12         | 142                 | 2.20                | 180                     | 38                | 47.6                  | 1-09-10                          |                           |          |
| 118 | Điện tử                     | K41DVT.01        | 40.0958.K40Q | Đặng Văn     | Bình   | 12         | 160                 | 1.95                | 180                     | 20                | 48                    | 2-13-14                          |                           |          |
| 119 | Điện tử                     | K40KMT.01        | 40.0683.K40K | Lê Trọng     | Việt   | 12         | 160                 | 1.96                | 181                     | 21                | 48.4                  | 1-10-11                          |                           |          |
| 120 | Sư phạm Kỹ thuật            | K8SKM(K40SCK.01) | 40.0763.K40M | Nguyễn Văn   | Cúc    | 12         | 150                 | 2.09                | 182                     | 32                | 50.5                  | 1-10-11                          |                           |          |

| TT  | Khoa                        | Lớp              | Mã số        | Họ đệm          | Tên   | Năm<br>thứ | Tổng TC<br>tích lũy | Điểm TB<br>tích lũy | Tổng TC<br>theo<br>CTĐT | TC/<br>ĐVHT<br>nợ | Delta<br>Tổng<br>điểm | Học kỳ<br>cuối<br>đăng ký<br>học | TC đăng<br>ký học<br>kỳ 2 | Ghi chú |
|-----|-----------------------------|------------------|--------------|-----------------|-------|------------|---------------------|---------------------|-------------------------|-------------------|-----------------------|----------------------------------|---------------------------|---------|
| 121 | Sư phạm Kỹ thuật            | K8SKM(K40SCK.01) | K7SKA 025    | Nguyễn Hải      | Huế   | 12         | 150                 | 2.09                | 182                     | 32                | 50.5                  | 1-11-12                          |                           |         |
| 122 | Điện tử                     | K40IH(K40ĐĐK.01) | 40.0820.K40M | Trần Anh        | Tuấn  | 12         | 149                 | 2.07                | 180                     | 31                | 51.57                 | 1-12-13                          |                           |         |
| 123 | Điện tử                     | K41DVT.01        | 40.0146.K40C | Nguyễn Mậu      | Dương | 12         | 154                 | 2.00                | 180                     | 26                | 52                    | 2-11-12                          |                           |         |
| 124 | Điện                        | K40IB(K40TĐH.02) | 40.0383.K40F | Mai Văn         | Ngay  | 12         | 151                 | 2.02                | 180                     | 29                | 54.98                 | 1-09-10                          |                           |         |
| 125 | Điện tử                     | K41DVT.01        | 40.0762.K40M | Nguyễn Nam      | Còn   | 12         | 163                 | 1.87                | 180                     | 17                | 55.19                 | 2-12-13                          |                           |         |
| 126 | Cơ khí                      | K41CCM.06        | 40.1084.K40R | Phạm Văn        | Tuyền | 12         | 170                 | 1.75                | 180                     | 10                | 62.5                  | 2-11-12                          |                           |         |
| 127 | Điện tử                     | K41DDK.01        | 40.0456.K40G | Huỳnh Văn       | Quang | 12         | 149                 | 1.97                | 180                     | 31                | 66.47                 | 1-12-13                          |                           |         |
| 128 | Sư phạm Kỹ thuật            | K41SCK.01        | 40.0108.K40B | Vũ Đình         | Nam   | 12         | 159                 | 1.86                | 182                     | 23                | 68.26                 | 2-12-13                          |                           |         |
| 129 | Cơ khí                      | K40MF(K40CCM.05) | 40.0853.K40N | Trần Đức        | Mạnh  | 12         | 127                 | 2.11                | 180                     | 53                | 92.03                 | 1-09-10                          |                           |         |
| 130 | Điện                        | K40IA(K40TĐH.01) | 40.0085.K40B | Nguyễn Anh      | Đức   | 12         | 122                 | 2.19                | 180                     | 58                | 92.82                 | 1-09-10                          |                           |         |
| 131 | Điện tử                     | K41KMT.01        | 40.0835.K40N | Phạm Thế        | Độ    | 12         | 133                 | 1.84                | 181                     | 48                | 117.28                | 2-11-12                          |                           |         |
| 132 | Sư phạm Kỹ thuật            | K8SKI(K40SKĐ.01) | 40.1077.K40R | Lê Văn          | Trãi  | 12         | 110                 | 2.05                | 180                     | 70                | 134.5                 | 1-09-10                          |                           |         |
| 133 | Điện tử                     | K41DDK.01        | 40.0132.K40B | Nguyễn Thừa     | Tùng  | 12         | 75                  | 2.16                | 180                     | 105               | 198                   | 2-09-10                          |                           |         |
| 134 | Sư phạm Kỹ thuật            | K8SKI(K40SKĐ.01) | 40.1176.K40V | Hoàng Ngọc      | Hưng  | 12         | 68                  | 2.28                | 180                     | 112               | 204.96                | 1-06-07                          |                           |         |
| 135 | Điện tử                     | K39IG(K39ĐĐK.01) | K39M691      | Vũ Mạnh         | Công  | 13         | 235                 | 5.96                | 263                     | 28                | -874.6                | 2-07-08                          |                           |         |
| 136 | Cơ khí                      | K39ME(K39CCM.04) | K39E318      | Vương Đăng      | Hoàng | 13         | 237                 | 5.77                | 260                     | 23                | -847.49               | 2-07-08                          |                           |         |
| 137 | Điện                        | K40ID(K40TĐH.04) | K39N755      | Tô Tuấn         | Anh   | 13         | 179                 | 2.16                | 180                     | 1                 | -26.64                | 1-10-11                          |                           |         |
| 138 | Điện                        | K40IA(K40TĐH.01) | K39H433      | Mai Xuân        | Diễn  | 13         | 174                 | 2.22                | 180                     | 6                 | -26.28                | 2-08-09                          |                           |         |
| 139 | Điện tử                     | K40IH(K40ĐĐK.01) | K39M688      | Bùi Quang       | Bình  | 13         | 171                 | 2.17                | 180                     | 9                 | -11.07                | 1-09-10                          |                           | CTB-08  |
| 140 | Cơ khí                      | K40MC(K40CCM.03) | K39A056      | Vũ Đình         | Thắng | 13         | 164                 | 2.25                | 180                     | 16                | -9                    | 2-08-09                          |                           |         |
| 141 | Kỹ thuật Ôtô & Máy Động lực | K40MD(K40CDL.01) | K39E316      | Vũ Đức          | Hưng  | 13         | 180                 | 1.99                | 180                     | 0                 | 1.8                   | 2-11-12                          |                           |         |
| 142 | Cơ khí                      | K40MB(K40CCM.02) | K39A050      | Nguyễn Ngọc     | Tân   | 13         | 180                 | 1.98                | 180                     | 0                 | 3.6                   | 1-11-12                          |                           |         |
| 143 | Cơ khí                      | K40MC(K40CCM.03) | K39E349      | Trần Ngọc       | Tú    | 13         | 172                 | 2.06                | 180                     | 8                 | 5.68                  | 1-12-13                          |                           |         |
| 144 | Cơ khí                      | K41CCM.01        | K39E304      | Ngô Thế         | Dũng  | 13         | 178                 | 1.98                | 180                     | 2                 | 7.56                  | 1-14-15                          |                           |         |
| 145 | Điện                        | K40ID(K40TĐH.04) | K39N778      | Đào Văn         | Khoa  | 13         | 163                 | 2.15                | 180                     | 17                | 9.55                  | 2-09-10                          |                           |         |
| 146 | Kỹ thuật Ôtô & Máy Động lực | K40MD(K40CDL.01) | K39B081      | Vũ Tuấn         | Đoàn  | 13         | 164                 | 2.07                | 180                     | 16                | 20.52                 | 2-13-14                          |                           |         |
| 147 | Điện tử                     | K40IK(K40ĐVT.01) | K39M707      | Lê Văn          | Hiệp  | 13         | 148                 | 2.07                | 180                     | 32                | 53.64                 | 2-09-10                          |                           |         |
| 148 | Điện tử                     | K40IH(K40ĐĐK.01) | K39H454      | Nguyễn Xuân     | Lập   | 13         | 140                 | 2.14                | 180                     | 40                | 60.4                  | 2-10-11                          |                           |         |
| 149 | Điện tử                     | K40IH(K40ĐĐK.01) | K39I548      | Bùi Quang       | Tuấn  | 13         | 144                 | 2.04                | 180                     | 36                | 66.24                 | 1-11-12                          |                           | CBB-13  |
| 150 | Điện                        | K40IA(K40TĐH.01) | K39H440      | Lê Viết         | Hội   | 13         | 134                 | 2.16                | 180                     | 46                | 70.56                 | 2-08-09                          |                           |         |
| 151 | Kỹ thuật Ôtô & Máy Động lực | K40MD(K40CDL.01) | K39G359      | Phạm Ngọc       | ánh   | 13         | 148                 | 1.84                | 180                     | 32                | 87.68                 | 1-11-12                          |                           |         |
| 152 | Cơ khí                      | K40MC(K40CCM.03) | K39A013      | Nguyễn Văn      | Điện  | 13         | 108                 | 2.43                | 180                     | 72                | 97.56                 | 2-08-09                          |                           |         |
| 153 | Cơ khí                      | K40MG(K40CCM.06) | K39E325      | Nghiêm Xuân     | Lâm   | 13         | 107                 | 2.42                | 180                     | 73                | 101.06                | 2-08-09                          |                           |         |
| 154 | Cơ khí                      | K40MB(K40CCM.02) | K39D214      | Vũ Thành        | An    | 13         | 96                  | 2.43                | 180                     | 84                | 126.72                | 2-08-09                          |                           |         |
| 155 | Cơ khí                      | K41CCM.03        | K38M167      | Trần Anh        | Minh  | 14         | 97                  | 2.16                | 180                     | 83                | 150.48                | 2-09-10                          |                           |         |
| 156 | Kỹ thuật Ôtô & Máy Động lực | K41CDL.01        | K38M215      | Nguyễn Hoàng    | Dũng  | 14         | 73                  | 2.27                | 180                     | 107               | 194.29                | 2-09-10                          |                           |         |
| 157 | Cơ khí                      | K40MB(K40CCM.02) | K37M091      | Nguyễn Quang    | Điệp  | 15         | 171                 | 1.93                | 180                     | 9                 | 29.97                 | 1-10-11                          |                           |         |
| 158 | Điện                        | K39IA(K39TĐH.01) | K39H471      | Nguyễn Đức      | Thắng | 13         | 95                  | 5.74                | 273                     | 178               | Niên chế              | 2-04-05                          |                           |         |
| 159 | Điện                        | K39IC(K39TĐH.03) | K39K568      | Dương Văn       | Hữu   | 13         | 76                  | 4.36                | 273                     | 197               | Niên chế              | 2-04-05                          |                           |         |
| 160 | Điện                        | K39IE(K39HTĐ.01) | K39M740      | Nguyễn Huy      | Thắng | 13         | 81                  | 4.32                | 285                     | 204               | Niên chế              | 2-05-06                          |                           |         |
| 161 | Điện                        | K39IE(K39HTĐ.01) | K39M747      | Dương Thị Huyền | Trâm  | 13         | 101                 | 6.29                | 285                     | 184               | Niên chế              | 2-05-06                          |                           |         |
| 162 | Điện tử                     | K39IH(K39ĐVT.01) | K39A054      | Đỗ Nguyên       | Thành | 13         | 99                  | 5.75                | 273                     | 174               | Niên chế              | 2-04-05                          |                           |         |

| TT  | Khoa                         | Lớp               | Mã số   | Họ đệm       | Tên    | Năm<br>thứ | Tổng TC<br>tích lũy | Điểm TB<br>tích lũy | Tổng TC<br>theo<br>CTĐT | TC/<br>ĐVHT<br>nợ | Delta<br>Tổng<br>điểm | Học kỳ<br>cuối<br>đang ký<br>học | TC đang<br>ký học<br>kỳ 2 | Ghi chú |
|-----|------------------------------|-------------------|---------|--------------|--------|------------|---------------------|---------------------|-------------------------|-------------------|-----------------------|----------------------------------|---------------------------|---------|
| 163 | Điện                         | K38IA(K38TĐHL.01) | K38I179 | Nguyễn Trần  | Kiên   | 14         | 262                 | 6.53                | 273                     | 11                | Niên chế              | 2-06-07                          |                           |         |
| 164 | Điện                         | K38IB(K38TĐHL.02) | K38I109 | Nguyễn Đức   | Mạnh   | 14         | 257                 | 5.98                | 273                     | 16                | Niên chế              | 2-06-07                          |                           |         |
| 165 | Điện tử                      | K38IC(K38ĐĐK.01)  | K38I175 | Trần Phạm    | Hùng   | 14         | 255                 | 6.22                | 273                     | 18                | Niên chế              | 2-06-07                          |                           |         |
| 166 | Cơ khí                       | K38MA (K38CCM.01) | K38M335 | Phạm Duy     | Ẩn     | 14         | 247                 | 5.89                | 263                     | 16                | Niên chế              | 2-06-07                          |                           | CTB-09  |
| 167 | Cơ khí                       | K38ME(K38CCM.04)  | K38M260 | Lê Văn       | Toán   | 14         | 251                 | 5.91                | 263                     | 12                | Niên chế              | 2-06-07                          |                           |         |
| 168 | Cơ khí                       | K38MG(K38CCM.05)  | K38M280 | Nguyễn Tiến  | Dương  | 14         | 244                 | 5.94                | 263                     | 19                | Niên chế              | 2-06-07                          |                           |         |
| 169 | Điện                         | K39IA(K39TĐHL.01) | K37I297 | Trần Quốc    | Hoàn   | 14         | 190                 | 4.77                | 273                     | 83                | Niên chế              | 2-07-08                          |                           |         |
| 170 | Điện tử                      | K39IG(K39ĐĐK.01)  | K38I242 | Vũ Văn       | Hưng   | 14         | 248                 | 5.94                | 273                     | 25                | Niên chế              | 2-07-08                          |                           |         |
| 171 | Cơ khí                       | K39MA(K39CCM.01)  | K38M343 | Nguyễn Duy   | Cường  | 14         | 249                 | 5.78                | 260                     | 11                | Niên chế              | 2-07-08                          |                           |         |
| 172 | Cơ khí                       | K39MB(K39CCM.02)  | K38M125 | Chữ Kim      | Tiến   | 14         | 216                 | 5.43                | 260                     | 44                | Niên chế              | 2-07-08                          |                           |         |
| 173 | Cơ khí                       | K39MB(K39CCM.02)  | K38M133 | Lương Quang  | Tuyến  | 14         | 246                 | 6.08                | 260                     | 14                | Niên chế              | 2-07-08                          |                           |         |
| 174 | Cơ khí                       | K39MC(K39CCM.03)  | K38M342 | Nguyễn Hoàng | Chương | 14         | 185                 | 4.94                | 260                     | 75                | Niên chế              | 2-07-08                          |                           |         |
| 175 | Cơ khí                       | K39ME(K39CCM.04)  | K38M218 | Trần Văn     | Đức    | 14         | 193                 | 5.33                | 260                     | 67                | Niên chế              | 2-07-08                          |                           |         |
| 176 | Cơ khí                       | K39ME(K39CCM.04)  | K38M243 | Lê Văn       | Phương | 14         | 179                 | 5.05                | 260                     | 81                | Niên chế              | 2-07-08                          |                           | CBB-12  |
| 177 | Cơ khí                       | K39ME(K39CCM.04)  | K38M247 | Nguyễn Quang | Quyết  | 14         | 247                 | 5.84                | 260                     | 13                | Niên chế              | 2-07-08                          |                           |         |
| 178 | Cơ khí                       | K39MG(K39CCM.05)  | K38M329 | Nguyễn Tiến  | Văn    | 14         | 240                 | 5.79                | 260                     | 20                | Niên chế              | 2-07-08                          |                           |         |
| 179 | Cơ khí                       | K39MG(K39CCM.05)  | K38M356 | Đinh Văn     | Hiếu   | 14         | 230                 | 5.76                | 260                     | 30                | Niên chế              | 2-07-08                          |                           |         |
| 180 | Điện                         | K38IB(K38TĐHL.02) | K37I191 | Vũ Anh       | Tuấn   | 15         | 248                 | 5.68                | 273                     | 25                | Niên chế              | 2-06-07                          |                           | CBB-12  |
| 181 | Cơ khí                       | K38MA (K38CCM.01) | K37M196 | Lê Quý       | Đôn    | 15         | 190                 | 5.12                | 260                     | 70                | Niên chế              | 2-05-06                          |                           |         |
| 182 | Cơ khí                       | K38MG(K38CCM.05)  | K37M251 | Nguyễn Xuân  | Thịnh  | 15         | 235                 | 5.53                | 263                     | 28                | Niên chế              | 2-06-07                          |                           |         |
| 183 | Điện                         | K39IB(K39TĐHL.02) | K37I188 | Vũ Xuân      | Trường | 15         | 244                 | 5.61                | 273                     | 29                | Niên chế              | 2-07-08                          |                           | CBB-13  |
| 184 | Điện                         | K39IB(K39TĐHL.02) | K37I258 | Phạm Văn     | Vỹ     | 15         | 233                 | 5.41                | 273                     | 40                | Niên chế              | 2-07-08                          |                           |         |
| 185 | Điện                         | K39IE(K39HTĐ.01)  | K37I276 | Nguyễn Mạnh  | Cường  | 15         | 255                 | 5.51                | 285                     | 30                | Niên chế              | 2-07-08                          |                           |         |
| 186 | Điện tử                      | K39IH(K39ĐVT.01)  | K37I054 | Dương Hồng   | Thiệp  | 15         | 223                 | 5.60                | 273                     | 50                | Niên chế              | 2-07-08                          |                           | Tây     |
| 187 | Cơ khí                       | K39MB(K39CCM.02)  | K37M415 | Hồ Viết      | Cường  | 15         | 165                 | 4.35                | 260                     | 95                | Niên chế              | 2-07-08                          |                           |         |
| 188 | Cơ khí                       | K39MC(K39CCM.03)  | K37M151 | Phan Hải     | Huy    | 15         | 236                 | 5.68                | 260                     | 24                | Niên chế              | 2-07-08                          |                           |         |
| 189 | Kỹ thuật Ô tô & Máy Động lực | K39MD(K39CDL.01)  | K37M028 | Nguyễn Tiến  | Hùng   | 15         | 205                 | 5.45                | 260                     | 55                | Niên chế              | 2-07-08                          |                           |         |
| 190 | Cơ khí                       | K39ME(K39CCM.04)  | K37M211 | Dương Văn    | Bắc    | 15         | 235                 | 5.59                | 260                     | 25                | Niên chế              | 2-07-08                          |                           |         |
| 191 | Cơ khí                       | K39MG(K39CCM.05)  | K37M273 | Chu Văn      | Thuận  | 15         | 225                 | 5.67                | 260                     | 35                | Niên chế              | 2-07-08                          |                           |         |
| 192 | Cơ khí                       | K39MB(K39CCM.02)  | K36M024 | Hà Mạnh      | Cường  | 16         | 178                 | 4.57                | 260                     | 82                | Niên chế              | 2-07-08                          |                           |         |
| 193 | Cơ khí                       | K39MB(K39CCM.02)  | K36M098 | Phạm Ngọc    | Minh   | 16         | 189                 | 4.78                | 260                     | 71                | Niên chế              | 2-07-08                          |                           | CTB-08  |
| 194 | Kỹ thuật Ô tô & Máy Động lực | K39MD(K39CDL.01)  | K36M116 | Trần Văn     | Tân    | 16         | 161                 | 4.47                | 260                     | 99                | Niên chế              | 2-07-08                          |                           |         |

NGƯỜI LẬP

PHÒNG ĐÀO TẠO



Trần Phương Thảo

